

Bản án số: 594/2024/HS-PT

Ngày: 27-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Ngọc Thái**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**

Ông **Phùng Anh Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 532/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Lưu Thị Hồng L** về tội “*Buôn lậu*”; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2148/2024/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lưu Thị Hồng L (tên gọi khác: không có), sinh ngày 10/02/1994 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: **Khốiphố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam**; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông **Lưu Văn S** (sinh năm 1964) và bà **Trần Thị Thanh V** (sinh năm 1967). Có chồng là **Homma N** và 01 con, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Đặng Văn V1 - Văn phòng L3**, thuộc **Đoàn Luật sư thành phố Đ**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH K2 (địa chỉ: 1 B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên trở lên ngày 17/10/2022. Chủ doanh nghiệp: Lưu Thị Hồng L và Lưu Văn S. Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán gốm, sứ, thủy, tinh, vải, hàng may mặc, giày, dép ... Người đại diện theo pháp luật là: Lưu Thị Hồng L - Chức vụ: Giám đốc.

Ngày 14/09/2023, Công ty TNHH K2 làm thủ tục nhập khẩu lô hàng theo tờ khai hải quan số 105718590020 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu C. Công ty TNHH K2 khai báo lô hàng nhập khẩu trong container số IAAU1797296 gồm:

- + Bình trang trí bằng sứ, mới 100%, số lượng: 19 chiếc;
- + Tách bằng sứ dùng cho nhà bếp, mới 100%, số lượng: 9.126 kg;
- + Đĩa ăn bằng sứ dùng cho nhà bếp, mới 100%, số lượng: 5.798 kg;
- + Chén ăn bằng sứ dùng cho nhà bếp, hàng mới 100%, số lượng: 7.257 kg.

Tất cả hàng hoá trên đều có xuất xứ Nhật Bản.

Ngày 20/9/2023, Chi cục Hải quan Cửa khẩu C phối hợp Đội Kiểm soát Hải quan, Đội Kiểm soát Chống buôn lậu khu vực M - Cục Điều tra chống buôn lậu và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu và môi trường Công an thành phố Đ, thực hiện kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng nhập khẩu trên tại địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung.

* Kết quả kiểm tra phát hiện:

Hàng hóa nhập khẩu trong container số IAAU1797296 của Công ty TNHH K2 là: sản phẩm gốm sứ các loại (chén, tô, tách, ly, đĩa, gạt tàn thuốc, chum, bình, ấm trà, ...) và một số loại hàng hoá khác (các sản phẩm bằng nhựa, thủy tinh, gỗ, kim loại và các sản phẩm dệt may...). Tình trạng hàng hóa gồm: gốm sứ mới như tờ khai hải quan, gốm sứ đã qua sử dụng và các loại hàng hóa khác chưa qua sử dụng (Chi tiết cụ thể về tên hàng, số lượng, quy cách, khối lượng và tình trạng hàng hóa được thể hiện trong các Biên bản chứng nhận và Chứng thư giám định).

Tang vật tạm giữ:

- 01 Container số IAAU1797296 bên trong chứa các loại hàng hóa: 128,15 kg gốm sứ mới (tách, đĩa, chén, bình), 18.355,4 kg gốm sứ đã qua sử dụng (tách, đĩa, chén, bình) và 215,25 kg hàng hóa khác chưa qua sử dụng (nhựa, thủy tinh, gỗ, kim loại và các sản phẩm dệt may...).

Ngày 30/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiến hành khám xét nơi làm việc của Lưu Thị Hồng L (địa chỉ: 1 B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng).

Tang vật thu giữ: Hàng hóa gồm sứ đã qua sử dụng gồm: chén, tô, ly, đĩa, bình các loại với tổng khối lượng: 181,1kg (có danh sách kèm theo).

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ còn tạm giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro, màu xanh rêu, số Imel 1: 356942287901956, Imel 2: 356942287594702 của Lưu Thị Hồng L.

- 01 căn cước công dân số 049194001816 mang tên Lưu Thị Hồng L do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 15/9/2022.

- 01 hộ chiếu số B9873969 mang tên Lưu Thị Hồng L do Cục Q cấp ngày 25/12/2024. BL: 231

- 01 con dấu chữ ký của Lưu Thị Hồng L.

- 01 con dấu họ tên, chức danh “GIÁM ĐỐC Lưu Thị Hồng L”.

- 01 con dấu tròn của Công ty TNHH K3, có ghi nội dung “CÔNG TY TNHH K3, M.S.D.N: 0402168154-C.T.T.N.H.H* THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG*”

- 01 USB token chữ ký số của Công ty TNHH K2.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi 11 Lite 5G NE, số Imel 1: 861783055280191, Imel 2: 861783055280209 sim số: 0903304195 của Lê Trương H.

- 01 hộ chiếu số: E00045261 do Cục Q cấp ngày 29/3/2023 mang tên Lê Trương H.

- Hồ sơ khai báo hải quan của 07 lô hàng hóa nhập khẩu gồm: tờ khai hải quan, hợp đồng kinh tế (S1), hóa đơn (I), danh sách hàng hóa (P), vận đơn tàu biển (Bill of lading).

Quá trình điều tra xác định:

Do thấy nhu cầu sử dụng các sản phẩm gốm sứ của người Việt Nam tăng cao nên Lưu Thị Hồng L cùng với Lưu Văn S – là cha của L góp vốn thành lập Công ty TNHH K2 (địa chỉ: 1 B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) để nhập khẩu các sản phẩm gốm sứ mới từ Nhật Bản về Việt Nam bán kiếm lời. Với tỷ lệ vốn góp: Lưu Thị Hồng L góp 800.000.000 đồng (chiếm 80%), Lưu Văn S góp 200.000.000 đồng (chiếm 20%).

Nguồn hàng nhập khẩu: Lưu Thị Hồng L đại diện Công ty TNHH K2 ký hợp đồng kinh tế với Công ty K4 (địa chỉ: H, Nhật Bản) – là công ty gia đình bên

chồng của **Lưu Thị Hồng L** với nội dung trong hợp đồng là: Hàng hóa nhập khẩu gồm bình, tách, đĩa, chén. Chất lượng hàng hóa: Thực hiện theo tiêu chuẩn sản xuất xuất khẩu của bên bán (không nêu hàng cũ hay hàng mới), kèm theo khối lượng hàng hóa và giá trị hợp đồng.

Để làm thủ tục hải quan cho lô hàng nhập khẩu, **Lưu Thị Hồng L** thuê: **Đỗ Văn K** hoặc **Công ty TNHH M** - Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng (địa chỉ: phòng 5.7 tầng E, tòa nhà D, 7 B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng). Trưởng Văn phòng đại diện: **Thái Thị Quế L1** thực hiện. **Thái Thị Quế L1** cử **Lê Trương H** – nhân viên công ty **L4** làm thủ tục Hải quan cho lô hàng.

Thông qua mạng xã hội zalo, **Lưu Thị Hồng L** cung cấp các chứng từ: hợp đồng kinh tế (**S1**), hóa đơn (**I**), danh sách hàng hóa (**P**), vận đơn tàu biển (*Bill of lading*), giấy giới thiệu qua zalo cho **Đoàn Văn K1**, **Lê Trương H**. Trên cơ sở thông tin lô hàng do **Lưu Thị Hồng L** cung cấp - hàng gồm sứ mới, **Đoàn Văn K1**, **Lê Trương H** tiến hành mở tờ khai hải quan cho các lô hàng tại **Chi cục Hải quan cửa khẩu C** với hàng hóa nhập khẩu được kê khai theo đúng thông tin mà **Lưu Thị Hồng L** cung cấp.

Trong khoảng thời gian từ 06/12/2022 đến 05/7/2023, **Lưu Thị Hồng L** đã 06 lần sử dụng tư cách pháp nhân **Công ty TNHH K2** nhập khẩu 06 lô hàng hóa gồm sứ (01 container/lô hàng), các lô hàng đều được kê khai trên tờ khai hải quan gồm: Bình trang trí bằng sứ, mới 100%; Tách bằng sứ dùng cho nhà bếp; mới 100%; Đĩa ăn bằng sứ dùng cho nhà bếp, mới 100%; Chén ăn bằng sứ dùng cho nhà bếp, hàng mới 100%. Trong đó lô hàng nhập khẩu ngày 06/12/2022 theo tờ khai hải quan số: 105144014360/A11 đã được **Chi cục Hải quan Cửa khẩu C** phân luồng đỏ và kiểm tra thực tế hàng hóa. Kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa: hàng hóa nhập khẩu đúng khai báo. Sau khi hoàn tất thủ tục hải quan thì 06 lô hàng trên đã được thông quan. **Lưu Thị Hồng L** đã đưa số hàng hóa trên về để tại kho của công ty (địa chỉ: 1 B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng). **Lưu Thị Hồng L** khai nhận: Trong 06 lô hàng nhập khẩu trên, có 05 lô hàng nhập khẩu với hàng hóa là gốm sứ mới đúng như khai báo trên tờ khai hải quan. Chỉ có 01 lô hàng gốm sứ theo tờ khai hải quan số 105545053830 ngày 28/6/2023, thì ngoài hàng gốm sứ mới theo tờ khai hải quan, **Lưu Thị Hồng L** còn để lẫn một số hàng gốm sứ đã qua sử dụng không đúng như khai báo trên tờ khai hải quan gồm: chén, tô, ly, đĩa, bình các loại với tổng khối lượng: 181,1kg.

Hàng gốm sứ của các lô hàng sau khi được nhập khẩu, **Lưu Thị Hồng L** mang một ít (không nhớ khối lượng) về nhà đưa cho **Lưu Văn S** – cha của **L**, **Trần Thị Thanh V** – mẹ của **L** và **Lưu Thị Bích T** bán lẻ. Số hàng gốm sứ còn lại, **Lưu Thị Hồng L** bán với số lượng lớn (không nhớ số lượng cụ thể) cho: **Đinh Thị Minh T1**, **Phạm Thị Mai L2**, **Nguyễn Thị Bích D** – Những người này đều xác định hàng

gốm sứ mới. Ngoài ra, **Lưu Thị Hồng L** còn bán cho những người khác (*không rõ nhân thân, lai lịch*), đối với 181,1 kg hàng gốm sứ đã qua sử dụng **Lưu Thị Hồng L** nhập về nhưng chưa bán và đang để tại kho của công ty thì Cơ quan chức năng đã tiến hành khám xét thu giữ vào ngày 30/01/2024.

Ngày 14/09/2023, **Lưu Thị Hồng L** tiếp tục sử dụng **Công ty TNHH K2** để nhập khẩu lô hàng gồm các mặt hàng: gốm sứ mới, gốm sứ đã qua sử dụng và một số mặt hàng khác nhưng tại tờ khai hải quan số 105718590020, chỉ khai báo hàng hóa nhập khẩu gồm:

- + Bình trang trí bằng sứ, mới 100%, số lượng: 19 chiếc;
 - + Tách bằng sứ dùng cho nhà bếp, mới 100%, số lượng: 9.126 kg;
 - + Đĩa ăn bằng sứ dùng cho nhà bếp, mới 100%, số lượng: 5.798 kg;
 - + Chén ăn bằng sứ dùng cho nhà bếp, hàng mới 100%, số lượng: 7.257 kg.
- Tất cả hàng hoá trên đều có xuất xứ Nhật Bản.

Ngày 20/9/2023, **Chi cục Hải quan cửa khẩu C** phối hợp **Đội Kiểm soát Hải quan**, **Đội Kiểm soát Chống buôn lậu khu vực M** - Cục Điều tra chống buôn lậu và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường **Công an T** tiến hành kiểm tra thực tế đối với lô hàng phát hiện lô hàng nhập khẩu không đúng tờ khai hải quan. Cụ thể hàng hóa nhập khẩu gồm:

- + Hàng hóa gốm sứ mới như khai báo hải quan (*tách, đĩa, chén, bình*): 128,15 kg;
- + Hàng hóa gốm sứ đã qua sử dụng (*tách, đĩa, chén, bình*): 18.355,4 kg;
- + Các loại hàng hóa khác chưa qua sử dụng nhưng không khai báo (*các sản phẩm bằng nhựa, thủy tinh, gỗ, kim loại và các sản phẩm dệt may...*): 215,25 kg.

Tại kết luận định giá tài sản số: 237/KL-HĐĐGTS ngày 27/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận hàng hóa gốm sứ đã qua sử dụng và các loại hàng hóa khác chưa qua sử dụng nhưng không khai báo hải quan:

TT	Tên tài sản	Thời điểm xác định giá	Kết luận của Hội đồng về giá trị tài sản (đồng)
1	Hàng gia dụng gồm: ly, chén, đĩa, bình, ấm trà, khăn, chăn... (<i>thông tin và đặc điểm hàng hóa chi tiết</i>)	Ngày 14/9/2023	459.457.000 đồng

	<i>tại phụ lục kèm theo</i>); Trong đó:		
a	Hàng đã qua sử dụng		454.021.000 đồng.
b	Hàng chưa qua sử dụng		5.436.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 88/KL-HĐĐGTS ngày 24/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận đối với số hàng hóa gồm sử đã qua sử dụng bị thu giữ tại kho của công ty khi khám xét ngày 30/01/2024:

TT	Tên tài sản	Thời điểm xác định giá	Kết luận của Hội đồng về giá trị tài sản (đồng)
1	Hàng gia dụng gồm: ly, chén, đĩa, tô, bình (<i>thông tin và đặc điểm hàng hóa chi tiết tại phụ lục kèm theo</i>)	Tháng 6/2023	4.437.000 đồng

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo **Lưu Thị Hồng L** phạm tội: **“Buôn lậu”**.
2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 188; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Lưu Thị Hồng L 04 (bốn) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2024, bị cáo kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo hoặc thay đổi từ hình phạt tù sang hình phạt tiền vì cho rằng bản án sơ thẩm xử nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo bị cáo **Lưu Thị Hồng L** vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến việc bị cáo mới lần đầu phạm tội và thuộc loại tội cũng có hình phạt chính là phạt tiền. Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, sức khỏe của bị cáo đau yếu vì mới bị xảy thai; chồng bị cáo ở **N**, bị cáo đang đang phải nuôi con nhỏ và gia đình bị cáo có công với cách mạng

nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt và thay đổi từ hình phạt tù sang hình phạt tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm và đề nghị: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Lưu Thị Hồng L** xin được chuyển từ hình phạt tù sang thành hình phạt tiền và xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới là Giấy chứng nhận ông nội **Lê T2** là thành viên Hội tù yêu nước tỉnh Quảng Nam; Giấy chứng nhận ông **T2** được hưởng chính sách như thương binh; Giấy xác nhận của **UBND xã Q** về việc bị cáo **L** là thân nhân người có công với cách mạng; thuộc diện người có công với cách mạng; có thành tích trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời bị cáo có nộp 03 (ba) thẻ tiết kiệm có kỳ hạn tại **Ngân hàng B** thể hiện số tiền 600.000.000 đồng và xin tự nguyện dùng số tiền tại các tài khoản này để đảm bảo cho việc thi hành án. Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phụ nữ đang mang thai trong thời điểm phạm tội, bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo **Lưu Thị Hồng L** 04 năm tù là có phần nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần quyết định Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần về hình phạt và chuyển từ hình phạt tù sang thành hình phạt tiền đối với bị cáo, mức phạt từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Sau khi nghe: bị cáo **Lưu Thị Hồng L** trình bày nội dung kháng cáo, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án; luận cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/9/2024, bị cáo **Lưu Thị Hồng L** kháng cáo xin hưởng án treo hoặc chuyển từ phạt tù sang phạt tiền. Kháng cáo của bị cáo đảm bảo còn trong thời hạn luật định, đúng hình thức theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các kết quả giám định, định giá tài sản, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Từ ngày 28/6/2023 đến ngày 14/9/2023, **Lưu Thị Hồng L** đã có hành vi nhập khẩu hàng gia dụng đã qua

sử dụng bằng gỗ, sành sứ, thủy tinh, kim loại, nhựa,... là hàng cấm nhập khẩu (quy định tại Phụ lục danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, nhập khẩu kèm theo Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ) và nhập khẩu hàng hóa nhưng không kê khai Hải quan từ Nhật Bản về Việt Nam, tổng trị giá hàng hóa nhập khẩu mà **Lưu Thị Hồng L** phải chịu trách nhiệm hình sự là: 463.894.000 đồng.

Hành vi của bị cáo nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên bố bị cáo **Lưu Thị Hồng L** phạm tội “Buôn lậu”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo **Lưu Thị Hồng L** thì thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế về xuất nhập khẩu hàng hóa. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đang mang thai và đang nuôi con nhỏ, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Từ đó, xử phạt bị cáo **Lưu Thị Hồng L** 04 năm tù về tội “Buôn lậu” là phù hợp.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin chuyển từ phạt tù sang phạt tiền. Đồng thời có xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới gồm: Giấy chứng nhận ông nội **Lê T2** là thành Viên Hội tù yêu nước tỉnh Quảng Nam; Giấy chứng nhận ông **T2** được hưởng chính sách như thương binh; Giấy xác nhận của **UBND xã Q** về việc bị cáo **L** là thân nhân người có công với cách mạng; thuộc diện người có công với cách mạng: có thành tích trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước. Ngoài ra, còn xuất trình cho Tòa án 03 (ba) thẻ tiết kiệm có kỳ hạn tại **ngân hàng B** có thể hiện tại các tài khoản số tiền khoảng 600.000.000 đồng và xin tự nguyện dùng số tiền tại các tài khoản này để đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử coi đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo mới bị sảy thai vào ngày 01/9/2024 khi mang thai con rạ 23 tuần, 3 ngày và đang phải nuôi con nhỏ. Bị cáo là thân nhân của người có công với các mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước. Đồng thời xuất trình 03 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn tại **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh H1, Phòng G**; địa chỉ 438 **đường H, thị trấn N, huyện D tỉnh Quảng Nam**. Cụ thể: 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, tên chủ sở hữu **Lưu Thị Hồng L**, số SERI

AAE 2526970, số tài khoản 812008220348, loại tiền VNĐ, ngày gửi tiền 26/12/2024, kỳ hạn 01 tháng với số tiền 100.000.000 đồng tại Chi nhánh 566153 - B CN HOI AN PGD DUY XUYEN; 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, tên chủ sở hữu **Lưu Thị Hồng L**, số SERI AAE 2526939, số tài khoản 819007889586, loại tiền VNĐ, ngày gửi tiền 06/12/2024, kỳ hạn 01 tháng, với số tiền 600.000.000 đồng, đã rút 400.000.000 đồng vào ngày 20/12/2024; số tiền còn lại tại tài khoản này là 200.000.000 đồng tại Chi nhánh 566153 - B CN HOI AN PGD DUY XUYEN và 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, tên chủ sở hữu **Lưu Thị Hồng L**, số SERI AAE 2526965, số tài khoản 810008165911, loại tiền VNĐ, ngày gửi tiền 23/12/2024, kỳ hạn 01 tháng, với số tiền 300.000.000 đồng; tại Chi nhánh 566153 - B. Các tài khoản thể hiện tổng số tiền khoảng 600.000.000 (Sáu trăm triệu) VNĐ và bị cáo tự nguyện dùng số tiền tại các tài khoản này để đảm bảo cho việc thi hành án nên được ghi nhận.

Mặt khác, đối với loại tội phạm “Buôn Lậu” tại khoản 2 Điều 188 Bộ luật hình sự có quy định:

Điều 188. Tội buôn lậu

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

....

c) Vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa một phần quyết định Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần về hình phạt và chuyển từ hình phạt tù sang thành hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo **Lưu Thị Hồng L** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lưu Thị Hồng L**, sửa một phần quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của

Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giảm nhẹ một phần về hình phạt và chuyển từ hình phạt tù sang thành hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 188; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

1. Tuyên bố bị cáo **Lưu Thị Hồng L** phạm tội “*Buôn lậu*”.
2. Xử phạt bị cáo **Lưu Thị Hồng L**: 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo **L** về việc dùng số tiền gửi tại 03 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn tại **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh H1 Phòng G**. Cụ thể: 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, tên chủ sở hữu **Lưu Thị Hồng L**, số SERI AAE 2526970, số tài khoản 812008220348, loại tiền VNĐ, với số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tại Chi nhánh 566153 - **B CN HOI AN PGD DUY XUYEN**; 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, tên chủ sở hữu **Lưu Thị Hồng L**, số SERI AAE 2526939, số tài khoản 819007889586, loại tiền VNĐ, với số tiền còn lại tại tài khoản là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) tại Chi nhánh 566153 - **B CN HOI AN PGD DUY XUYEN** và 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, tên chủ sở hữu **Lưu Thị Hồng L**, số SERI AAE 2526965, số tài khoản 810008165911, loại tiền VNĐ, với số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), tại Chi nhánh 566153 - **B CN HOI AN PGD DUY XUYEN** để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng điểm h, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Lưu Thị Hồng L** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Ngọc Thái

